

Ch- ơng 3

cuu duong than cong com

Chinh sách th- ơng mại
quốc tế

cuu duong than cong com

1. Khái niệm, nhiệm vụ và các bộ phận trong CSTMQT

■ 1.1. Khái niệm

- *Chính sách th- ịng m- ị qu- ị t- ị là h- ị th- ịng c- ịc nguy- ịn t- ịc, b- ịn ph- ịp kinh t- ị hành ch- ịh và ph- ịp luật d- ịng ă- ị th- ịc h- ịn nh- ịng m- ịc t- ịu ă- ị x- ịc ă- ịh trong l- ịh v- ịc th- ịng m- ị qu- ị t- ị c- ịa m- ị n- ịc trong m- ị th- ị k- ị nh- ị ă- ịh.*

1.2. Nhiệm vụ

- - Bảo hộ hợp lý thị trường và nền sản xuất nội địa
- - Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước mở rộng thị trường ra bên ngoài, tham gia mạnh mẽ vào phân công lao động quốc tế.

1.3. Các bộ phận trong chính sách thương mại quốc tế

- a. Chính sách mặt hàng
 - - *Nhệng mặt hàng cấm xuất, nhập khẩu*
 - - *Nhệng mặt hàng hạn chế xuất, nhập khẩu*
 - - *Nhệng mặt hàng khuyến khích xuất nhập khẩu*

1.3. Các bộ phận trong chính sách thương mại quốc tế



CuuDuongThanCong.com

CuuDuongThanCong.com

1.3. Các bộ phận trong chính sách thương mại quốc tế

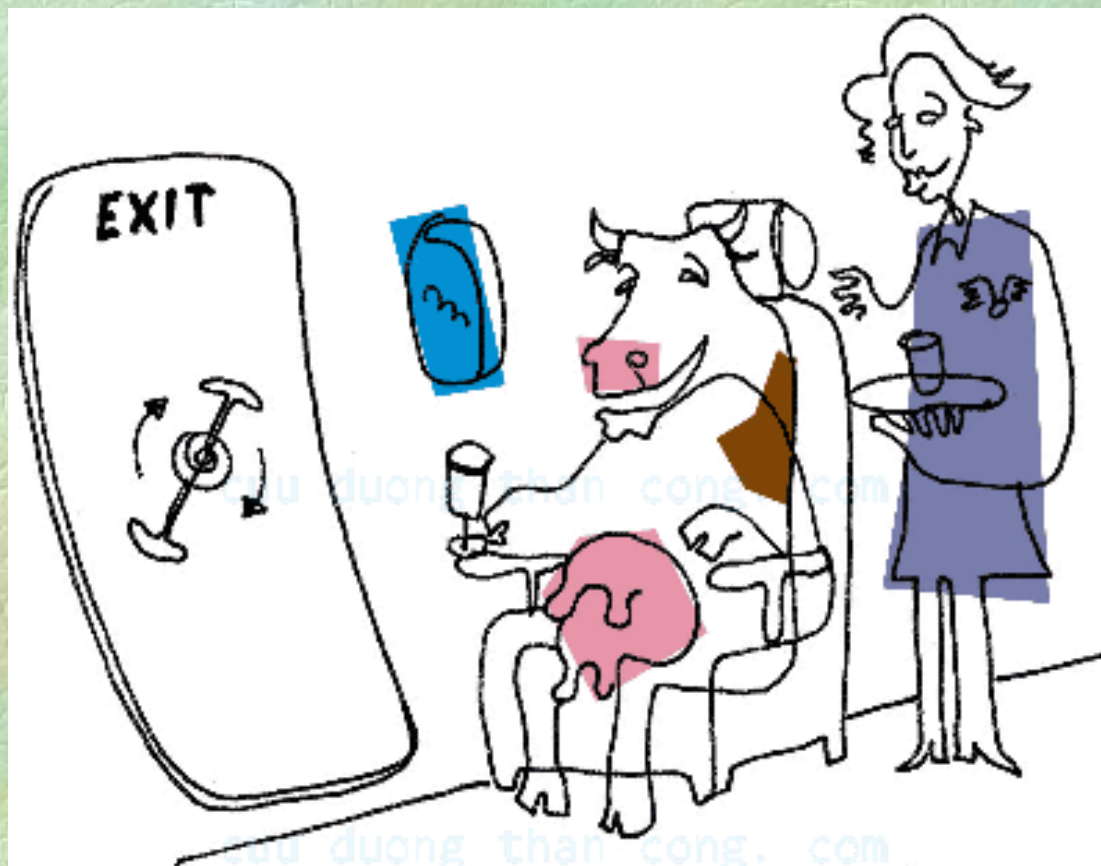
b. Chính sách thị trường: Nhất định, ASEAN, TQ, EU, M, vv.

c. Các chính sách hỗ trợ khác

- - Chính sách bảo hộ thương mại
- - Chính sách thuế
- - Chính sách trợ cấp
- - chính sách kỹ thuật

2. Các hình thức trong chính sách thương mại quốc tế

- 2.1. Chính sách bảo hộ mậu dịch
- 2.1. Chính sách mậu dịch tự do



Theo m^ôt t^hnh to^ân c^oa WTO, ng-^hi tⁱu d^ong và Ch^hnh ph^o c^oa c^oc n-^oc ph^ot tr^on tr^o 350 tr^ou ^oầ la m^ôt n^om ă^o b^ob h^o l^hh v^oc n^ong s^oh. S^o tⁱh n^oy ă^o ă^o 4.1 tr^ou con c^ou nu^oi l^oy s^oa c^oa h^o bay v^ong qu^onh th^o g^oi (v^o h^ong nh^ot!) nh^ong 1.5 l^hh!

2.1 Chính sách bảo hộ mậu dịch

■ a. Khái niệm

- *Chính sách bảo hộ mậu dịch là một hình thức trong chính sách thương mại quốc tế, trong đó nhà nước ỷp dụng những biện pháp can thiệp để bảo vệ thương nghiệp nội địa, bảo vệ sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh của hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài .*

b. Đối tượng áp dụng

- - Những ngành sản xuất tạo ra nhiều công ăn việc làm cho xã hội
- - Những ngành sản xuất có nguy cơ bị hàng nhập khẩu đe dọa sự tồn tại
- - Những ngành công nghiệp còn non trẻ chưa đủ sức cạnh tranh

c. Các loại hình trong chính sách bảo hộ mậu dịch

- (1) Chính sách bảo hộ mậu dịch kiểu cũ: mang tính phòng ngự
- (2) Chính sách siêu bảo hộ mậu dịch: mang tính tấn công

cuu duong than cong .com

c. Ưu nh- ược đi ểm của chnh sách bảo hộ mậu dịch

- Ưu đi ểm
- Nh- ược đi ểm

2.2. Chính sách mẫu dịch tự do

■ a. Khái niệm

- *Chính sách mẫu dịch tự do là một hình thức trong chính sách th- ị trường mở rộng, trong đó nhà n- ớc không bị cấm đoán và tiến tới xoã bỏ những cản trở trong quan hệ buôn bán với bên ngoài, thực hiện việc tự do hoá th- ị trường mở*

b. Công cụ thực hiện

- - Các biện pháp phi thuế quan
- - Hiệp định th- ơng mại

c. -u nh-ợc ợđiểm

- - u điểm
- nh- ợc điểm

2.3 Lựa chọn chính sách thương mại quốc tế

- - Căn cứ vào trình độ của các ngành sản xuất của các nước

CuuDuongThanCong.com

- - Căn cứ vào các cam kết của chính phủ các nước

CuuDuongThanCong.com

3. Các nguyên tắc áp dụng trong chính sách thương mại quốc tế

- 3.1. Nguyên tắc N- ớc đ- ợc - u đãi nhất (Most Favored Nation □MFN)
- 3.2. Nguyên tắc Đối xử quốc gia (National Treatment - NT)

3.1. Nguyên tắc N-ước được -u đãi nhốt (Most Favored Nation MFN)

- Tên phổ biến: Nguyên tắc Tối huệ quốc
- Nội dung: Các bên tham gia kết cam kết dành cho nhau nhệng thuốn lĩ và - u lĩ khĩng kĩm hĩn nhệng thuốn lĩ và - u lĩ mà mĩt bĩn ĩang và sĩ dành cho bĩt kĩ mĩt n- ĩc thĩ ba nào .

Cơ sở pháp lý để thực hiện nguyên tắc MFN

- - Hiệp định thương mại được ký kết giữa các nước và trong hiệp định thương mại đó có điều khoản quy định về MFN.
- - Quy định của các tổ chức quốc tế: GATT/WTO

Cách áp dụng Tối huệ quốc:

- - áp dụng MFN vô điều kiện
- - áp dụng MFN có điều kiện

Tác dụng của nguyên tắc Tối huệ quốc

- **Xoá bỏ sự phân biệt ái xí trong quan hệ buôn bán, tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng, thúc đẩy thực hiện môi trường phát triển**

CuuDuongThanCong.com

Ngoại lệ của MFN

- *Ngoại lệ 1: Mối dịch biên giới*
- *Ngoại lệ 2: Nhệng - u quyền trong các Thỏa thuận th- ịng mại khu vực (RTA)*
VD: AFTA, NAFTA, EU,.. ,RTA song phương.
- *Ngoại lệ 3: Nhệng - u quyền đặc biệt mà các n- ớc phát triển dành cho các n- ớc đang và chấm phát triển.*
VD: Hệ thống - u đãi phổ cập (GSP - Generalized System of Preferences)
- *Ngoại lệ 4: Mua sắm Chính phủ*
(Government Procurement)

3.2. Nguyên tắc Đối xử quốc gia (National Treatment - NT)

- **Tồn tại:** Nguyên tắc ngang bằng dân tộc (National Parity- NP)
- **Nội dung:** Các bản tham gia trong quan hệ kinh tế- xã hội mà mỗi cam kết dành cho hàng hóa, công dân hoặc công ty n- là khác nhau - u ảnh hưởng trực tiếp đến nơi ăn ở, sinh hoạt - ảnh hưởng dành cho hàng hóa, công dân hoặc công ty n- mà

Tác dụng, Ngoại Lệ

- Tác dụng: **Xoá bỏ sự phân biệt ăn xé trong th- ơng mại**
- Ngoại Lệ: **Mua sắm Chính phủ**

cuu duong than cong .com

MFN và NT

- Trong WTO:
- **MFN + NT = Non discrimination**
- **(Nguyên tắc *Không phân biệt đối xử*)**

4. Các biện pháp áp dụng trong chính sách thương mại quốc tế

- 4.1. Thu thuế quan (Tariff)
- 4.1.1 Khái niệm: *Thu thuế quan là loại thuế đánh vào hàng hóa khi hàng hóa nhập khẩu qua một lãnh thổ hải quan.*

CuuDuongThanCong.com

4.1.2 Phân loại thuế quan

- - Phân loại thuế quan theo mục đích đánh thuế
- - Phân loại thuế quan theo đối tượng đánh thuế
- - Phân loại thuế quan theo phương pháp tính thuế
- - Phân loại thuế quan theo mức thuế

4.1.2.1 Phân loại thuế quan theo mục đích đánh thuế

- **+ Thuế quan tài chính:** Là loại thuế ảnh hưởng trực tiếp tới mục đích làm tăng thu cho ngân sách nhà nước
- **+ Thuế quan bảo hộ:** Là loại thuế ảnh hưởng nhằm mục đích bảo hộ thị trường và nung sản xuất nội địa thông qua việc ảnh hưởng thuế cao ảnh hưởng tới hàng hóa nhập khẩu

4.1.2.2 Phân loại thu quan theo đối tượng đánh thuế

- + Thu quan xuất khẩu: Là loại thuế ảnh hưởng và mọi ảnh hưởng hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài
- + Thu quan nhập khẩu: Là loại thuế ảnh hưởng vào mọi ảnh hưởng hàng hóa nhập khẩu từ bản ngoài vào .
- + Thu quan quỹ chung: Là loại thuế ảnh hưởng vào mọi ảnh hưởng hàng hóa ảnh hưởng vốn chuyển qua công qua một lĩnh vực hời quan thuế ba

4.1.2.3 Phân loại thuế quan theo phương pháp tính thuế

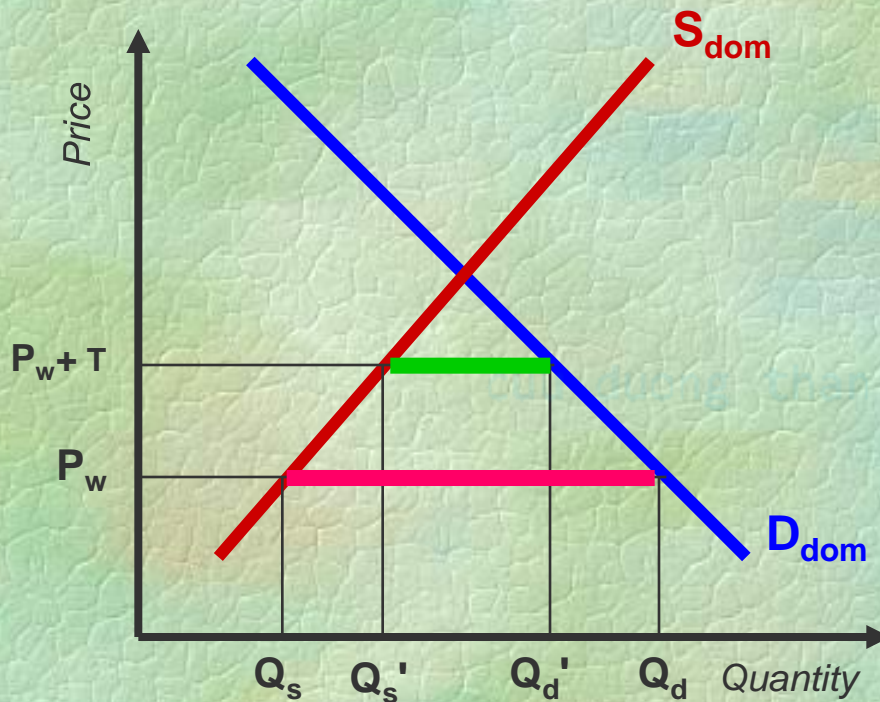
- + Thuế quan tính theo số lượng (specific tariff)
- + Thuế quan tính theo giá trị (Ad-valorem tariff)
- + Thuế quan tính hỗn hợp (compound tariff)

4.1.3 Tính chất Kinh tế của Thuế quan

- Bằng cách tăng giá nội địa của hàng nhập khẩu, thuế quan nhập khẩu làm lợi cho các nhà sản xuất trong n- ớc, nh- ng lại gây thiệt hại cho ng- ời tiêu dùng.

CuuDuongThanCong.com

4.1.4 Tác động của thuế quan nhập khẩu



D_{dom} & S_{dom} show the domestic demand and supply for a good.

If the world price is P_w , and there is free trade,

domestic firms supply Q_s , domestic demand is Q_d

and the difference is **imported**.

A tariff can stimulate domestic supply and restrict imports.

At a domestic price $P_w + T$, where τ is the size of the tariff,

quantity of domestic demand falls to Q_d' ,
quantity of domestic supply rises to Q_s' and **imports** fall.

Tác động của thuế quan nhập khẩu

- - Tỷ lệ tăng giá: Giá tăng
- - Tỷ lệ tăng giá sản xuất: Sản xuất trong nước tăng
- - Tỷ lệ tăng giá tiêu dùng trong nước: Tiêu dùng giảm
- Cho nên thuế quan hút nguồn lực (đáng lẽ ra được sử dụng trong lĩnh vực sản xuất khác) vào lĩnh vực được bảo hộ

Tác động của thuế quan nhập khẩu

- - Tỷ lệ tăng giảm về hoạt động nhập khẩu giảm
- - Tác động đối với thu nhập: Chính phủ tăng thu
- - Tác động phân phối lại: thuế quan phân phối lại thu nhập từ người tiêu dùng sang người sản xuất

- Khoản mất trắng về lợi ích của thuế quan chứng tỏ xã hội bị thiệt hại từ CS TQ
- Thuế quan ngày càng giảm đi

Mức thu quan trung bình ngày càng giảm:

- 1947: 37%
- 1950-1970: 20 - 25%
- 1970- 1990: 10 - 15%
- 1990- 1995: 5 -10%
- Sau 1995: 0 - 5%

Những lý lẽ ủng hộ thuế quan

- Giả sử một nước nhập khẩu một lượng lớn về một hàng hoá nào đó. Khi ấy, nếu nước này tăng nhập khẩu, giá cả thế giới sẽ tăng lên. (NƯỚC LỚN)
- Khi ấy, đặt ra một mức thuế nhập khẩu **c** **thợ** dẫn đến lợi ích xã hội tăng, nếu so sánh với khi không có thuế (th- ơng mại tự do)

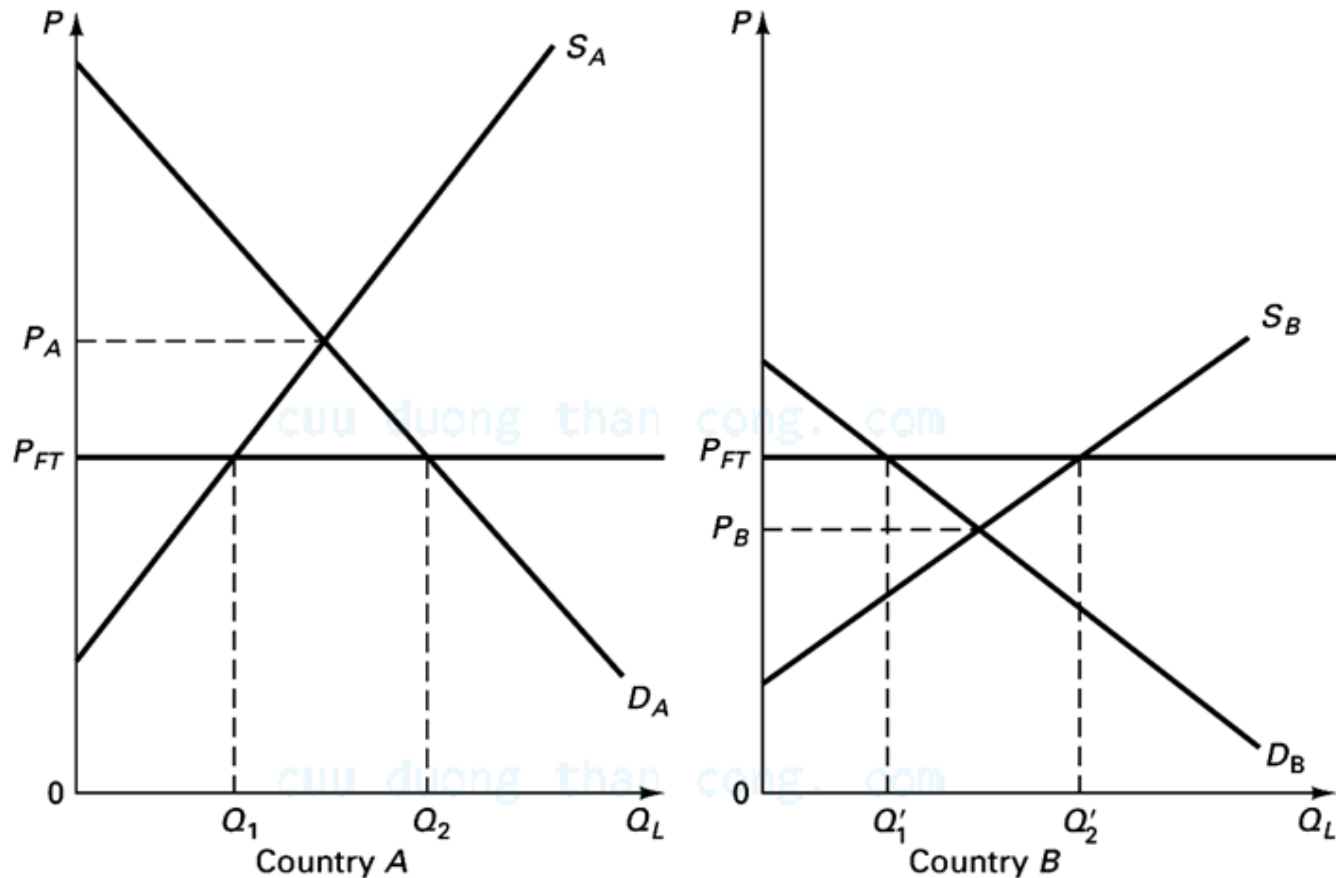
Thuế quan tối - u

- Trong tr- ờng hợp này, nền kinh tế sẽ đ- ợc lợi bằng việc đánh thuế, thông qua đó hạn chế l- ợng hàng nhập khẩu, cho đến khi lợi ích biên của đơn vị hàng NK cuối cùng bằng với chi phí xã hội của nó
- Thực chất đây là một sự chuyển lợi ích từ nhà cung cấp n- ớc ngoài (THiệt) sang n- ớc nhập khẩu (Lợi)

Một ví dụ về thuế quan tối - u

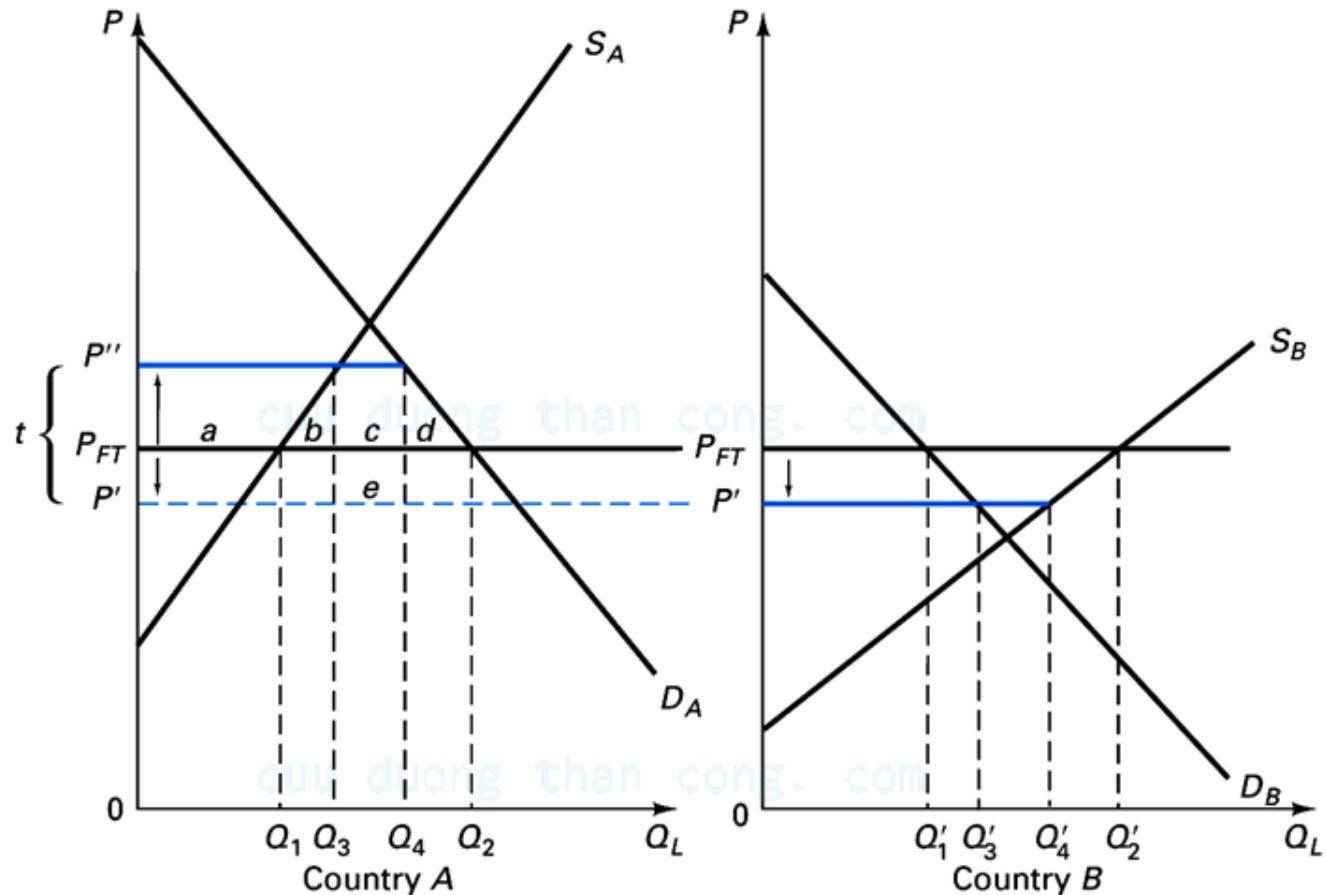
- Ví dụ n- ớc A là một n- ớc lớn của thế giới về nhập khẩu hàng hoá L.
- N- ớc B xuất khẩu L
- Cùng xem xét tr- ờng hợp tự do hoá th- ơng mại và n- ớc A đánh thuế đối với hàng L nhập khẩu

International Free-trade Equilibrium



Husted/Melvin, © 2001, Addison Wesley Longman, Inc. All rights reserved.

Illustration of a Tariff for a Large Country



Husted/Melvin, © 2001, Addison Wesley Longman, Inc. All rights reserved.

Chi phí xã hội của việc đánh thuế (đối với n- ớc lớn)

Δ in CS	-\$a	-\$b	-\$c	-\$d
Δ in PS	\$a			
Δ in G revenue			\$c	+\$e
Net welfare change		-\$b	-\$d	+\$e

Optimal tariff would max $\$e - \$(b + d)$

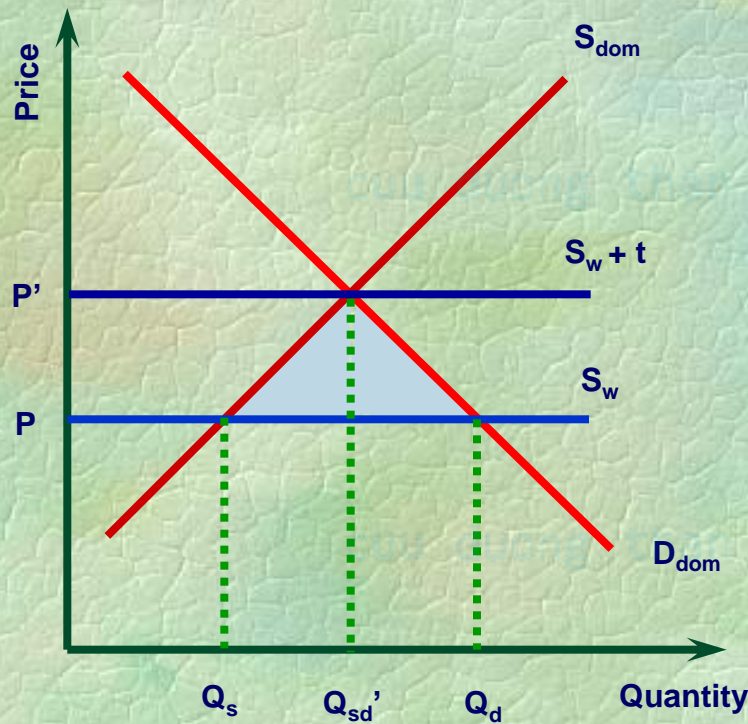
So sánh tác động của TQ và của trợ cấp sản xuất

- Sản xuất trong n- ớc cũng có thể tăng và nhập khẩu giảm thông qua việc sử dụng trợ cấp sản xuất
- Các nhà kinh tế học so sánh việc sử dụng trợ cấp sản xuất và TQ, và trong nhiều tr- ờng hợp, trợ cấp sx tỏ ra là một chính sách tốt hơn
- Tại sao?

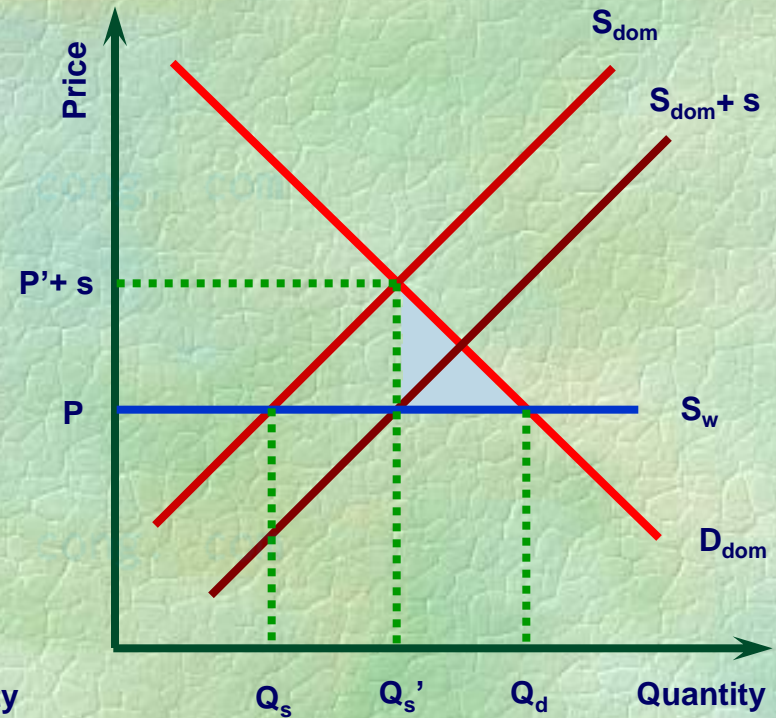
- So sánh tác động của Thuế quan và của trợ cấp sản xuất

= dead weight loss

(a) Thuế quan



(b) Trợ Cấp sx



- Mặc dù tính hiệu quả của trợ cấp sản xuất là cao hơn trong việc tăng c- ờng số l- ợng hàng tiêu dùng trong n- ớc, trợ cấp sản xuất ít đ- ợc sử dụng hơn vì nó không phổ biến về mặt chính trị

Thuế quan tối - u - lý lẽ □ tối - u hạng hai □

- Vấn đề truyền thống
 - nỗ lực của Chính phủ vì mục tiêu truyền thống: giúp sản xuất trong nước
 - **chính sách trợ cấp sản xuất là tốt hơn**
- Về các ngành công nghiệp mới
 - Nỗ lực giúp đỡ các ngành công nghiệp non trẻ bằng chiến lược □ học qua hành □
 - **CS trợ cấp sản xuất kém hơn cđ tự mang lại hiệu quả tốt hơn**

Thuế quan tối - u - lý lẽ □ tối - u hạng hai □

- Về cắt giảm TD xa xỉ
 - nỗ lực cắt giảm tiêu dùng xa xỉ của tầng lớp giàu có trong một xã hội nghèo
 - đạt đ- ợc dễ dàng hơn thông qua thuế tiêu dùng
- Về vấn đề thu nhập
 - thuế quan tăng thu cho ngân sách
 - nh- ng cũng có nhiều cách tốt hơn để làm điều đó
- Về tận dụng lao động rẻ ở n- ớc ngoài
 - không có lý lẽ để phản bác □ nh- ng đã từ chối lợi ích của lợi thế so sánh